

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**



## **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3203000715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08/08/2005, và giấy chứng nhận ĐKKD số 0400410498 đăng ký thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2009)*

## **ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*(Đăng ký giao dịch số: . . . . . /ĐKGD do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm 2009)*

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**Trụ sở Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng**

Địa chỉ: 25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)**

Địa chỉ: Tầng 1&2 Tòa nhà Chương Dương ACIC, số 225 Bến Chương Dương, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Hồ Hai – Tổng Giám đốc

Điện thoại: 05113 - 863 845, 05113 - 823 725

# CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3203000715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08/08/2005, và giấy chứng nhận ĐKKD số 0400410498 đăng ký thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2009)

## ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá** : 10.000 đồng

**Tổng số lượng đăng ký giao dịch** : 2.000.000 cổ phiếu

**Tổng giá trị đăng ký giao dịch** : 20.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

**Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

Trụ sở : 217 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 655 886 Fax: (0511) 3 655 887

**Tổ chức cam kết hỗ trợ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN (EPS)**

Trụ sở: Tầng 1&2, Cao ốc Central Garden, số 225 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 386 068 Fax: (08) 38 386 896



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>	<b>5</b>
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro pháp luật	6
3.	Rủi ro tài chính	6
4.	Rủi ro đặc thù của ngành dệt may	6
5.	Rủi ro khác	7
<b>II.</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>7</b>
<b>III.</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>8</b>
<b>IV.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH</b>	<b>8</b>
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
2.	Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty	10
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	14
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có	15
5.	Hoạt động kinh doanh	15
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	22
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	24
8.	Chính sách đối với người lao động	26
9.	Chính sách cổ tức	28
10.	Tình hình hoạt động tài chính	28
11.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	33
12.	Tài sản	42
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	43
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:	44
15.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty:	44
<b>V.</b>	<b>CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH</b>	<b>45</b>
1.	Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINATEX Đà Nẵng	45
2.	Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông	45
3.	Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu	45
4.	Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.000.000 cổ phiếu	45



5.	Phương pháp tính giá: -----	45
6.	Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài -----	45
7.	Các loại thuế có liên quan -----	46
<b>VI.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH -----</b>	<b>47</b>
<b>VII.</b>	<b>PHỤ LỤC -----</b>	<b>47</b>

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như thị trường tài chính tiền tệ, tình hình kinh tế, chính trị và xã hội. Khi tốc độ phát triển kinh tế duy trì ở một mức ổn định, hệ thống tài chính và tín dụng ít biến động, tỷ giá hối đoái ổn định và lạm phát được kiểm soát sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định. Trong tình hình kinh tế tăng trưởng mạnh, sức mua của người tiêu dùng trong nước và trên thế giới đối với hàng tiêu dùng nói chung và sản phẩm may mặc nói riêng được kích thích, các doanh nghiệp có cơ hội mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Năm 2009 vừa qua, cuộc khủng hoảng và suy thoái toàn cầu đã gây ra những khó khăn lớn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành may mặc Việt Nam nói riêng nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của các doanh nghiệp cùng với các chính sách và các biện pháp chống suy giảm kinh tế thông qua các gói kích cầu bù lãi suất, hỗ trợ đầu tư, xúc tiến thương mại của Chính phủ mà Ngành Dệt May Việt Nam và các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã trụ vững, duy trì sản xuất, bảo đảm việc làm và đời sống cho người lao động với những kết quả đáng khích lệ. Kim ngạch cả năm 2009 đạt 9,2 tỷ USD, tăng 1% so với năm 2008, trong điều kiện xuất khẩu của cả nước tăng trưởng “âm”, đưa dệt may nằm trong top dẫn đầu những mặt hàng xuất khẩu của cả nước. Không những thế, thời trang Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 6 của Liên đoàn thời trang châu Á (AFF).  
(1)

Mặc dù vẫn chịu những ảnh hưởng lớn của cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua nhưng Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng 5,32% trong năm 2009, cao hơn chỉ tiêu 5% của Quốc hội đề ra và đứng vào hàng các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao của khu vực và trên thế giới. Những dự báo về tiềm năng mở rộng thị trường của ngành dệt may xuất khẩu nhờ vào các hiệp định thương mại với nước ASEAN; các kế hoạch nghiên cứu, đầu tư và phát triển ngành dệt may theo định hướng hội nhập sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp dệt may phát triển hoạt động sản xuất của mình. Các thách thức về cạnh tranh, rào cản kỹ thuật cũng sẽ là những động lực thúc đẩy các doanh nghiệp hoạt động tốt hơn, có hiệu quả hơn.

(1) Nguồn: Website của Tập đoàn Dệt May Việt Nam [www.vinatex.com](http://www.vinatex.com)



## 2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Vinatex Đà Nẵng chịu sự điều chỉnh của hệ thống Luật doanh nghiệp và các văn bản liên quan. Ngoài ra, khi đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc ban hành và sửa đổi bổ sung các chính sách, văn bản pháp luật có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán sẽ có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh hội nhập đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu như Công ty phải hiểu biết sâu sắc về luật pháp và thông lệ giao dịch quốc tế cũng như những thay đổi liên quan. Tuy nhiên, với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng luôn có những phương án quản trị rủi ro pháp lý hữu hiệu để thích ứng và đón đầu những rủi ro pháp lý như trên.

## 3. Rủi ro tài chính

Hiện tại Công ty đang có tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn khá cao, do vậy chi phí lãi vay hàng năm là khá lớn, kèm theo đó là rủi ro về thanh khoản khi luôn phải đáp ứng đủ nguồn tiền cho những khoản nợ đến hạn. Ngoài ra, thị trường tài chính Việt Nam hiện đang có nhiều biến động khá lớn, biến động về lãi suất tín dụng và tỷ giá hối đoái là khó đoán trước vì vậy sẽ có nhiều thách thức và khó khăn cho công tác quản trị tài chính của Công ty.

## 4. Rủi ro đặc thù của ngành dệt may

- **Rủi ro nguyên vật liệu:** Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, biến động nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Giá nguyên vật liệu (nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước) luôn biến động, do đó Công ty cần phải có chính sách cung ứng nguồn nguyên liệu hợp lý và cần linh hoạt trong việc thay đổi giá thành để tránh những biến động trong nguồn nguyên liệu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro thị trường:** xuất khẩu hàng dệt may hiện nay đang có tốc độ phát triển cao nhất trong nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên sự phát triển này phụ thuộc trực tiếp vào sự phát triển của thị trường tiêu dùng xuất khẩu. Điểm đặc thù của thị trường xuất khẩu hàng tiêu dùng là luôn biến động khó lường. Khi nền kinh tế có biến động, chính sách và nhu cầu người tiêu dùng sử dụng sản phẩm may mặc thời trang thường giảm đáng kể.
- **Rủi ro cạnh tranh:** Tuy thị trường đã có nhiều bước phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng nhưng kèm theo đó là sức ép cạnh tranh vô cùng lớn. Là một doanh nghiệp có quy mô nhỏ so với những tên tuổi lớn như Việt Tiến, May 10, Nhà Bè... nhất là với ngành công nghiệp sản xuất hàng dệt may của Trung Quốc nên Công ty cần phải có



những chính sách bán hàng và quảng bá sản phẩm vượt trội để giữ vững thị phần của mình và khẳng định thương hiệu trên thị trường.

## 5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác mang tính bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh ... tuy không thường xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động và giá trị của doanh nghiệp.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### 1. Tổ chức đăng ký giao dịch

Ông Nguyễn Ngọc Trí	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Hai	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tiến	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Chức vụ: Tổng Giám đốc
-------------------------	------------------------

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
VINATEX ĐÀ NẴNG	: Tên viết tắt Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
EPS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
JIS	: Thuật ngữ - áp dụng tiêu chuẩn chất lượng Nhật Bản
ASTM	: Thuật ngữ - áp dụng tiêu chuẩn chất lượng Hoa Kỳ

### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

#### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 1.1. Giới thiệu chung:

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
- Tên tiếng Anh : VINATEX DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : VINATEX DANANG
- Trụ sở chính : 25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại : (84.511) 386 3845 – 386 3757 – 382 7116
- Fax : (84.511) 382 3367
- Email : [vinatexdn@dng.vnn.vn](mailto:vinatexdn@dng.vnn.vn)
- Giấy CNĐKKD số 3203000715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 0400410498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2009.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng





- Tài khoản ngân hàng số 3011100019003 mở tại Ngân hàng TM Cổ phần Quân đội (MB) Chi nhánh Đà Nẵng

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh hàng may mặc, hàng thêu đan, hàng áo len xuất khẩu, và tiêu thụ nội địa.
- Kinh doanh nguyên, phụ liệu, thiết bị phụ tùng ngành dệt, may, thiết bị điện - điện lạnh; kinh doanh thiết bị, hàng tiêu dùng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: Phụ liệu, phụ tùng hoá chất thuốc nhuộm các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may, máy móc thiết bị dệt may; kinh doanh xuất khẩu nguyên liệu hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm, ô tô xe máy, máy điều hoà không khí, các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng khác.
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng và cho thuê các loại vật tư, linh kiện, phụ tùng, máy móc trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông, thủy lợi
- Kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm)
- Kinh doanh Khách sạn, Nhà hàng, Dịch vụ du lịch, khu vui chơi giải trí; Thi công lắp đặt hệ thống điện dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành dệt may và xây dựng dân dụng, hệ thống điện lạnh, kinh doanh thương mại tổng hợp.
- Kinh doanh địa ốc; Văn phòng cho thuê; Khu phức hợp thương mại và các ngành nghề khác Pháp luật không cấm.

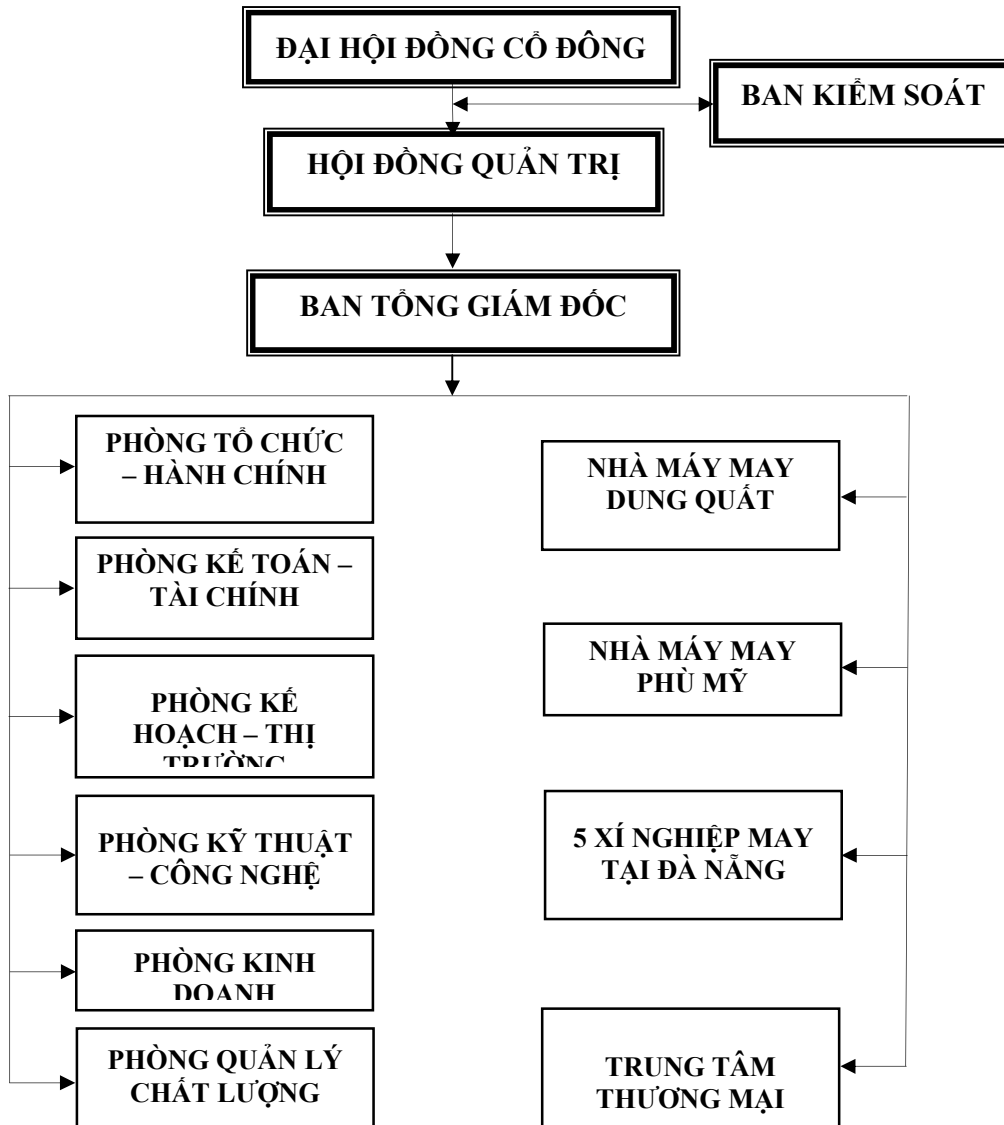
**1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

- Tiền thân Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng là Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May Đà Nẵng (Doanh nghiệp Nhà nước). Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 142/2004/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công Nghiệp chuyển sang loại hình công ty cổ phần.
- Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000715 ngày 8/8/2005 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng. Tháng 12/2006, Công ty thực hiện phát hành 10 tỷ mệnh giá cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ lần 2 ngày 07/09/2006
  - Bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV 850.000 cổ phiếu với giá 11.000 đ/cp
  - Bán cho đối tác chiến lược 150.000 cổ phiếu với giá 15.000 đ/cp



- Ngày 01/07/2008, Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Đà Nẵng đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.

## 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty



**Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, Ban Kiểm soát; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty.



**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ ĐHCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty - trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

**Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

**Ban Tổng Giám đốc:** Gồm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc được ĐHCĐ biểu quyết và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên HĐQT được kiêm nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Tổng Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm.

#### **Các phòng ban:**

##### **a. Phòng tổ chức - hành chính:**

- Tham mưu, đề xuất tuyển dụng, đào tạo nhân sự tại các đơn vị trong toàn Công ty.
- Tham gia phê duyệt phương án tổ chức, phương án lương, khen thưởng kỷ luật toàn Công ty, chế độ chính sách của người lao động và kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đó.
- Kiểm tra đôn đốc hoạt động của các đơn vị trực thuộc trong lĩnh vực liên quan, đề xuất cho Ban Giám đốc Công ty giải quyết các quyền lợi, chế độ cho người lao động nhằm thúc đẩy hiệu quả công tác sản xuất kinh doanh.
- Lập kế hoạch và tổ chức tất cả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tổ chức hành chính của toàn Công ty.

##### **b. Phòng kế toán – tài chính:**

- Tham mưu cho Ban Lãnh Đạo và kiểm tra giám sát về lĩnh vực tài chính kế toán toàn Công ty; chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán.



- Lập các báo cáo tài chính định kỳ theo qui định của pháp luật.
- Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi phí hợp lệ theo qui định của pháp luật hiện hành.

**c. Phòng kế hoạch – thị trường:**

- Hoạch định kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực của toàn Công ty và kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện các kế hoạch đó.
- Tham gia đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.
- Khai thác, quản lý, điều phối và theo dõi thực hiện các đơn hàng gia công, hoạt động xuất nhập khẩu và điều hành các phương tiện vận tải.

**d. Phòng kỹ thuật – công nghệ:**

- Kiểm tra, giám sát qui trình sản xuất của các đơn vị trực thuộc và các cơ sở do Công ty đưa hàng ra ngoài gia công.
- Tham gia duyệt mẫu sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất đại trà.
- Kiểm tra, giám sát và xác nhận các kết quả thi tay nghề, thi nâng bậc của công nhân toàn Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật công nghệ và áp dụng công nghệ mới vào qui trình sản xuất của toàn Công ty.
- Trực tiếp đàm phán, giao dịch với khách hàng trong công tác thiết kế về rập, mẫu, tài liệu kỹ thuật và định mức nguyên vật liệu.

**e. Phòng kinh doanh:**

- Tham gia đàm phán, soạn thảo và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.
- Hoạch định, kiểm tra, đơn đốc và thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty.
- Khai thác, quản lý, điều phối, theo dõi thực hiện các đơn hàng FOB.
- Mở rộng việc khai thác thị trường mới và khai thác đơn hàng gia công.

**f. Phòng quản lý chất lượng:**

- Kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tại các đơn vị trực thuộc và cơ sở gia công ngoài.
- Nắm vững các tài liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của khách hàng triển khai cho các đơn vị trực thuộc



- Tham mưu cho Ban Giám đốc các biện pháp khắc phục phòng ngừa có liên quan đến chất lượng sản phẩm
- Phối hợp chặt chẽ với khách hàng để thực hiện việc kiểm hàng trên dây chuyền sản xuất cho đến khâu hoàn thành .

**Các đơn vị trực thuộc Công ty:**

**a. Nhà máy may Phù Mỹ:**

- Địa chỉ: Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (84-056) 755855 Fax : (84-056)755856
- Email: vntdn.phumy@dng.vnn.vn
- Đăng ký kinh doanh: Số 3513000105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 05/12/2005.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu
- Năng lực sản xuất: 14 chuyền may và 1100 công nhân.

**b. Nhà máy may Dung Quất:**

- Địa chỉ: Lô L1, phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84-055) 853051 Fax : (84-055) 853050
- Email: pddungquat@vnn.vn
- Đăng ký kinh doanh: Số 651000007 do Ban quản lý khu kinh tế Dung Quất cấp ngày 05/1/2007
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu
- Năng lực sản xuất: 24 chuyền may và 1200 công nhân

**c. Trung tâm thương mại Dệt May:**

- Địa chỉ: Số 153 Trưng Nữ Vương, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-0511) 550327 Fax: (84-0511) 823724
- Ngành nghề kinh doanh:
  - + Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành may và các sản phẩm may mặc
  - + Kinh doanh thiết bị ngành may và sản phẩm điện, điện lạnh.
  - + Có hệ thống cửa hàng bán lẻ trải rộng ở các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên, TP.HCM và Hà Nội.

**d. Xí nghiệp may 1,2 B:**

- Địa chỉ: Số 25 Trần Quý Cáp, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-0511) 823725 Fax: (84-0511) 823367
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu
- Năng lực: 15 chuyền may và 900 công nhân

**e. Xí nghiệp may 2A, 3, 4:**

- Địa chỉ: Số 25 Trần Quý Cáp, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-0511) 823725 Fax: (84-0511) 823367
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu
- Năng lực: 18 chuyền may và 1200 công nhân

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông****3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tính đến ngày 30/8/2009:**

STT	Họ Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Cổ phiếu nắm giữ	
				Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam: Cá nhân đại diện sở hữu là Ông Nguyễn Ngọc Trí và Ông Trần Văn Tiến	25 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0106000697	600.000	30%
2	Vũ Thị Minh Khoa	1257A Hiệp Nhất, P.7, Quận Tân Bình	023811313	100.000	5%
<b>Tổng cộng</b>				<b>700.000</b>	<b>35%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 30/8/2009*

**3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phiếu sáng lập:**

STT	Họ Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	25 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0106000697	600.000	30%
2	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	200013156	2.460	0,12%



3	Lương Chương	Tổ 36 Tam Thuận, Thanh Khê, Đà Nẵng	200816732	2.460	0,12%
4	Văn Hữu Thành	75 Bùi Thị Xuân, Thừa Thiên Huế	191563892	1.970	0,1%
<b>Tổng cộng</b>				<b>606.890</b>	<b>30,34%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 30/8/2009*

### 3.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông trong nước</b>	<b>418</b>	<b>1.987.820</b>	<b>99,39%</b>
+ Tổ chức:	5	716.000	35,8%
+ Cá nhân:	413	1.271.820	63,59%
<b>2. Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
+ Tổ chức:	0	0	0%
+ Cá nhân:	0	0	0%
<b>3. Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>12.180</b>	<b>0,61%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.000.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 30/8/2009*

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

### 5. Hoạt động kinh doanh

#### 5.1. Sản phẩm kinh doanh chính:

- Các sản phẩm dệt may: Công ty sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc theo hình thức gia công và FOB, với các sản phẩm chính như áo sơ-mi, áo jacket, quần tây, áo quần thể thao.
- Đại lý và kinh doanh các thiết bị, phụ tùng nguyên vật liệu ngành dệt may
- Đại lý và kinh doanh các thiết bị điện, điện lạnh - nhập khẩu và phân phối máy điều hòa không khí cho hãng Carrier.

#### 5.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận qua các năm:

**Cơ cấu doanh thu thuần**

Đvt : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008		2009	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1	Hàng may gia công	48.290	9,06%	44.074	12,77%
2	Hàng may FOB	410.130	76,96%	239.282	69,36%
3	Các hoạt động thương mại và dịch vụ khác	74.467	13,98%	61.662	17,87%
<b>Tổng doanh thu thuần</b>		<b>532.887</b>	<b>100,00%</b>	<b>345.018</b>	<b>100,00%</b>

**Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Đvt : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008		2009	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1	Hàng may gia công	(29.669)	(52%)	(11.635)	(25%)
2	Hàng may FOB	44.216	77%	13.195	28%
3	Các hoạt động thương mại và dịch vụ khác	43.056	75%	45.085	97%
<b>Tổng lợi nhuận gộp</b>		<b>57.603</b>	<b>100%</b>	<b>46.645</b>	<b>100%</b>

**5.3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm:**

Với hình thức gia công và FOB các sản phẩm dệt may xuất khẩu, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh và tập trung vào hoạt động xuất khẩu ra các thị trường tiềm năng của ngành dệt may Việt Nam như Mỹ, Đài Loan, Nga, Pháp và các nước E.U khác, trong đó thị trường xuất khẩu chính đem lại nguồn doanh thu cho Công ty là 02 thị trường Mỹ và Đài Loan.

Các sản phẩm may mặc do Công ty thiết kế và phân phối cho thị trường nội địa chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động của hệ thống cửa hàng bán lẻ của Trung tâm Thương mại Dệt May. Tuy nhiên, doanh thu sản phẩm tiêu thị nội địa chiếm tỷ trọng



không cao trong tổng cơ cấu doanh thu do sự ra đời non trẻ của Trung tâm Thương mại Dệt May và mục tiêu tập trung xuất khẩu của Công ty.

#### 5.4. Nguyên vật liệu:

##### a. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu :

Công ty nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất hàng may mặc từ các nước Trung Quốc và Thái Lan. Nguyên liệu phục vụ ngành dệt như bông xơ được nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan. Những nhà cung cấp từ các nước này đều là các bạn hàng lâu năm của Công ty nên có sự ổn định cao trong nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất hàng FOB.

##### b. Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu:

Tỷ trọng trung bình của chi phí nguyên vật liệu trên tổng chi phí sản xuất qua các năm của Công ty vào khoảng 48,5% cho thấy ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu không quá lớn so với một số doanh nghiệp cùng ngành. Ngoài ra, trong lĩnh vực sản xuất hàng dệt may hiện nay các nguyên phụ liệu nhập khẩu hầu hết theo chỉ định của khách hàng và được tính toán theo giá thành định mức nên mức độ ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đối với doanh thu và lợi nhuận của hoạt động sản xuất không đáng kể.

#### 5.5. Chi phí sản xuất :

Đvt: triệu đồng

Chi phí	2007		2008		2009	
	Giá trị	% Tổng CP	Giá trị	% Tổng CP	Giá trị	% Tổng CP
Giá vốn hàng bán	491.961	91,91%	475.284	88,36%	298.373	84,77%
<i>% DTT</i>	<i>91,47%</i>		<i>89,19%</i>		<i>86,48%</i>	
Chi phí tài chính	14.404	2,69%	26.579	4,94%	14.220	4,04%
<i>% DTT</i>	<i>2,68%</i>		<i>4,99%</i>		<i>4,12%</i>	
Chi phí bán hàng	10.146	1,90%	15.470	2,88%	13.604	3,87%
<i>% DTT</i>	<i>1,89%</i>		<i>2,90%</i>		<i>3,94%</i>	
Chi phí quản lý	18.756	3,50%	20.565	3,82%	25.767	7,32%
<i>% DTT</i>	<i>3,49%</i>		<i>3,86%</i>		<i>7,47%</i>	
Chi phí khác	5	0,00%	3	0,00%	28	0,01%
<i>% DTT</i>	<i>0,00%</i>		<i>0,00%</i>		<i>0,01%</i>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>535.273</b>	<b>100,00%</b>	<b>537.900</b>	<b>100,00%</b>	<b>351.991</b>	<b>100,00%</b>



% DTT	99,53%	100,94%	102,02%
Doanh thu thuần (DTT)	537.825	532.887	345.018

Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009

## 5.6. Trình độ công nghệ:

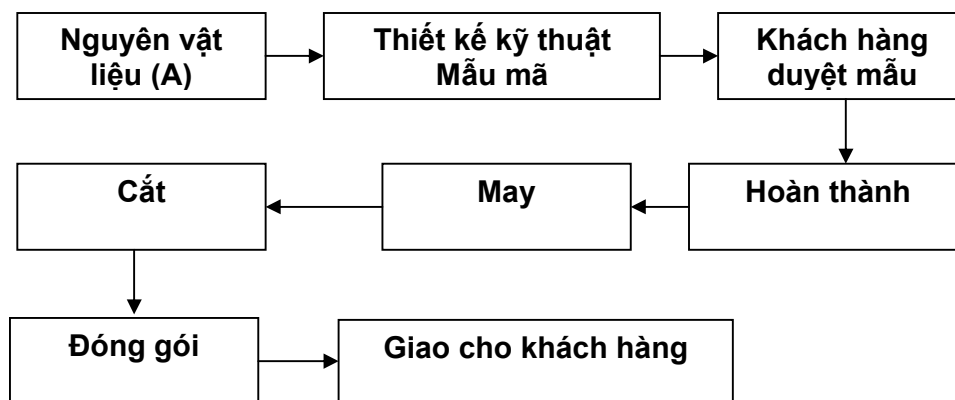
### a. Dây chuyền công nghệ:

Toàn bộ dây chuyền thiết bị trong sản xuất được nhập khẩu từ Nhật Bản và CHLB Đức. Các thiết bị chính và phụ kiện đều có nguồn gốc tại Nhật Bản và một số được sản xuất tại Trung Quốc do vậy dây chuyền sản xuất mang tính đồng bộ cao.

Công nghệ sản xuất hàng may của Công ty đã được khách hàng đánh giá là có uy tín trên thị trường xuất khẩu hiện nay khi so sánh với một số sản phẩm trong các đơn hàng thời trang cao cấp của các hãng sản xuất khác.

### b. Quy trình sản xuất:

Đây là quy trình sản xuất khép kín, do vậy chất lượng sản phẩm được kiểm tra ngay từ đầu vào từ khi nguyên vật liệu do nhà cung cấp chuyển đến nhà máy cho đến lúc giao hàng cho khách hàng, được thể hiện qua sơ đồ sau:



Nguồn: Tài liệu về quy trình sản xuất của nhà máy May

## 5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm/dịch vụ mới:

- Trong lĩnh vực sản xuất, việc nghiên cứu nguồn nguyên vật liệu mới luôn là hướng tập trung đầu tư của Công ty. Đặc biệt khi kinh tế Việt Nam phát triển, nhu cầu sử dụng sản phẩm may mặc chất lượng cao và hình thức đẹp kéo theo nhu cầu ngày càng đa dạng về mẫu mã thời trang mới. Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận kinh doanh thường xuyên cập nhật các thông tin về thị trường may mặc thế giới để có các bước chuẩn bị cho các hoạt động phát triển sản phẩm mới.



- Trong lĩnh vực thương mại, dựa trên kinh nghiệm lâu năm của Ban Tổng Giám đốc và các mối quan hệ bán hàng sẵn có, Công ty rất năng động trong việc thực hiện kinh doanh các sản phẩm mới, các sản phẩm có nhu cầu cao nhưng trong nước đang bị thiếu hụt nguồn cung cấp, các sản phẩm trong nước sản xuất giá thành thấp nhưng có giá bán cao trên thị trường quốc tế.
- Với một chiến lược kinh doanh năng động, ngoài hoạt động sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may, Công ty còn phát triển các hoạt động thương mại như kinh doanh clinker, thạch cao, sắt thép,... và đặc biệt chú trọng vào hoạt động đầu tư tạo nguồn lợi nhuận khác chuẩn bị cho chuyển dịch cơ cấu doanh thu trong các năm sắp tới.
- Hoạt động đầu tư được Công ty chú trọng vào các dự án đầu tư trong các lĩnh vực mang lại hiệu quả đầu tư cao như khu công nghiệp, cao ốc văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp; ngoài ra, Công ty còn có kế hoạch đầu tư vào thị trường tài chính.

#### **5.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:**

- Chất lượng sản phẩm của Công ty luôn được sự kiểm soát chặt chẽ của Phòng quản lý chất lượng và bộ phận kiểm tra QC của khách hàng từng bộ phận. Thông qua các hoạt động lấy ý kiến của khách hàng về chất lượng dịch vụ cung cấp, Công ty tiếp thu và xử lý theo phương châm “khách hàng luôn đúng” và “uy tín là trên hết”.
- Sản phẩm được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn của nhà máy sản xuất, đảm bảo tiêu chuẩn theo qui định của khách hàng và của ngành. Công ty đã đặt ra các chỉ tiêu về quản lý chất lượng từ các bộ phận theo qui trình, do vậy sản phẩm sản xuất tại nhà máy được các cán bộ kiểm tra chất lượng theo dõi bám sát từng khâu trong quy trình, để sản phẩm khi đưa đến khách hàng luôn đạt chất lượng cao nhất.
- Hiện sản phẩm của Công ty có mặt trên thị trường được coi là sản phẩm có tính cạnh tranh về chất lượng, mẫu mã và giá thành. Ngoài ra dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng được Công ty chú trọng và khách hàng hài lòng.

#### **5.9. Hoạt động Marketing:**

##### **a. Công tác marketing, quảng bá sản phẩm:**

- Sản phẩm được giới thiệu rộng rãi bằng catalog, trang web, đĩa VCD với đầy đủ chủng loại, mẫu mã và trên các kênh phân phối. Mỗi nhân viên trong phòng kinh doanh đều phải nắm rõ quy trình sản xuất và nguyên vật liệu, công dụng của từng loại sản phẩm, có thể tư vấn những giải pháp hợp lý nhất cho khách hàng.

- Khi khách có nhu cầu, Công ty sẽ cử một nhân viên trực tiếp đến tư vấn, giới thiệu các loại sản phẩm, cũng như các qui trình sản xuất, kế hoạch sản xuất và thời gian giao hàng..
- Để đảm bảo giao hàng đúng tiến độ trong hợp đồng và đảm bảo chất lượng sản phẩm của từng loại sản phẩm sẽ có ít nhất 01 cán bộ chịu trách nhiệm giám sát đơn hàng. Nguyên phụ liệu được kiểm nghiệm chất lượng thường xuyên và định kỳ đảm bảo tính đồng nhất về chất lượng của sản phẩm. Trong đó có sự phân công thống nhất giữa các nhân viên để việc tiếp thị đến khách hàng đảm bảo thuận lợi không có sự đan xen chông chéo khiến cho khách hàng cảm thấy không hài lòng. Hệ thống cung cấp sản phẩm được thiết lập như sau:
  - Hệ thống các đại lý, nhà phân phối trên khắp miền Trung và Tây Nguyên, Phòng trưng bày sản phẩm showroom tại Đà Nẵng .
  - Bộ phận chuyên nhận và xử lý thông tin phản hồi từ khách hàng để luôn có được những sản phẩm cũng như dịch vụ khách hàng hoàn hảo nhất.
- Hiện nay Công ty đã xây dựng một hệ thống hơn 50 đại lý khắp các tỉnh thành miền Trung như Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Nha Trang, Đà Nẵng.

**b. Dịch vụ bảo hành bảo trì và cung cấp sản phẩm:**

- Các sản phẩm cung cấp cho khách hàng được đảm bảo đáp ứng các đặc tính thời trang, kỹ thuật nêu ra trong bảng chào hàng (Ví dụ: Thông số về tính năng, độ co giãn, hướng dẫn giặt ủi với từng loại vải...)
- Về hình thức thẩm mỹ, sản phẩm phải có sự đồng nhất về kích thước trong phạm vi dung sai cho phép, màu sắc phải đồng đều trong bản thân mỗi sản phẩm và giữa các sản phẩm với nhau, độ bền màu theo thời gian sử dụng...
- Nếu có bất kỳ sản phẩm nào không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, thẩm mỹ đề ra thì Công ty có trách nhiệm kịp thời thay thế các sản phẩm bị lỗi hoặc bị hỏng cho khách hàng.

**c. Công tác xây dựng thương hiệu:**

Song song với việc mở rộng thị trường, Công ty không ngừng đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu trên thị trường và quảng bá hình ảnh thương hiệu Vinatex Đà Nẵng. Công ty thường tham gia các kỳ hội chợ về Hàng Việt Nam chất lượng cao và Hàng thời trang may mặc tại Đà Nẵng, Hà Nội và TP. HCM.

**d. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:**

- Với nỗ lực không ngừng sản phẩm Công ty ngày càng khẳng định thương hiệu trên thị trường, do vậy để bảo vệ thương hiệu và đảm bảo hoạt động trong tương lai, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ.

▪ **Logo của Công ty:**



**Màu sắc của logo:** Logo được xây dựng trên hai màu chủ đạo:

- Màu trắng: Tượng trưng của sự thanh bạch, trong trắng như tấm lòng của những người lao động của doanh nghiệp tạo ra những sản phẩm phục vụ nhu cầu cho xã hội.
- Màu xanh nước biển: Tượng trưng cho tương lai, hy vọng về sự phát triển không ngừng của Công ty – Nó còn có ý nghĩa như sự bao la mệnh mông của Đại dương xanh biếc và vô tận.

**Nhìn từ bên ngoài:**

Khuôn hình vuông:

- Chú trọng đến khuôn thước, mẫu mực trong mọi hoạt động SXKD, cân bằng mọi lợi ích.
- Nói lên mối quan hệ hợp tác với các đối tác đến từ bốn phương trên toàn cầu, phù hợp với tình hình phát triển của doanh nghiệp khi hội nhập Quốc tế.

**Nhìn từ bên trong:**

Hình tượng của Logo: Chữ V được vẽ cách điệu, uyển chuyển, dịu dàng thể hiện:

- Chữ đầu của: Việt Nam – Vinatex – Victory (Thắng lợi)
- Tượng trưng cho vẻ đẹp chủ sản phẩm may: Ve cổ áo – nơi thể hiện vẻ đẹp quyến rũ gợi cảm nhất của người sử dụng sản phẩm.

Logo được đặt trên nền tảng của chữ VINATEX ĐANANG: Thể hiện sự bền vững với thời gian của thương hiệu.

**5.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:**

Công ty đã tạo lập được hệ thống khách hàng khá ổn định trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh của mình. Một số hợp đồng tiêu biểu đang thực hiện của Công ty như sau:

STT	Số hợp đồng	Tên khách hàng	Trị giá hợp đồng (USD)	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	01/TA-VNT/2009	Tahhsin Industrial Corp CORP	2.709.362	Áo jacket	22/05/2009 - 25/10/2009
2	L/C số:IC676640H	Fishman & Tobin, INC	962.366	Quần tây và áo sơ mi	08/04/2009 - 05/05/2009
3	L/C số:C677628H	Fishman & Tobin, INC	629.927	Quần tây và áo sơ mi	20/05/2009 - 20/06/2009
4	L/C số: 2254FLC8105 N/09	Pearl Global LTD	143.028	Áo jacket	14/04/2009
5	L/C số: DC PH253105	Capital Resources LTD	379.921	Quần tây	17/12/2009 - 11/02/2010
6	L/C số: IC 682517H	Fishman & Tobin, INC	649.228	Quần tây và áo sơ mi	15/11/2009 - 31/12/2009
7	03/VNT-CK/2009	CK GLOBAL	109.502	Áo jacket	28/03/09
8	40/FM-VNT/2009	FISHMAN	206.098	Quần tây và áo sơ mi	02/02/09
9	01Q/WPF-VNT/08	WEATHER	451.369	Áo jacket	22/02/09
10	01DR/SU-VT/09	SUPREME	268.723	Quần tây và áo sơ mi	06/01/09

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 3 năm 2007, 2008 và 2009:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009
1	Tổng giá trị tài sản	230.353	193.748	217.905
	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>(15,89%)</i>	<i>12,47%</i>
2	Doanh thu thuần	537.825	532.887	345.018
	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>(0,92%)</i>	<i>(35,25%)</i>
3	Lợi nhuận từ HĐKD	4.235	1.045	1.178
	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>(75,32%)</i>	<i>12,73%</i>
4	Lợi nhuận khác	315	2.126	650
	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>574,92%</i>	<i>(69,43%)</i>
5	Lợi nhuận trước thuế	4.551	3.171	1.828



	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>(30,32%)</i>	<i>(42,35%)</i>
6	Lợi nhuận sau thuế	4.551	2.595	1.364
	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>(42,98%)</i>	<i>(47,44%)</i>
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.289	1.305	686
	<i>% Tăng giảm so với năm trước</i>		<i>(42,99%)</i>	<i>47,43%</i>
8	Cổ tức	12%	10%	6%

*Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán 2007, 2008 và 2009*

## 6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

- Năm 2009 kinh tế thế giới và Việt Nam đã dần thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, tuy nhiên năm 2009 vẫn là một năm khó khăn chung cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may nói chung. Mặc dù chính phủ đã thực hiện gói kích thích kinh tế và chính sách tiền tệ và có những thành công trong việc điều hành kinh tế. Tuy nhiên, giá cả nguyên vật liệu đầu vào vẫn còn cao trong điều kiện giá đầu ra các sản phẩm có chiều hướng giảm, hoạt động xuất khẩu giảm 9,7% so với năm 2008. Năm 2009 là năm đầu tiên sau hơn 20 năm hoạt động xuất khẩu giảm so với năm trước.
- Các thị trường và nguồn khách hàng truyền thống của Công ty vẫn duy trì ổn định trong điều kiện kinh tế khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 có sự giảm sút do chịu sự ảnh hưởng lớn từ sự thiếu hụt nguồn lao động sản xuất chính. Việc không đủ nhân công để thực hiện các hợp đồng lớn là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến giảm doanh thu trong năm 2009. Chính việc thiếu hụt nguồn nhân công đã làm cho hiệu suất khai thác các tài sản của công ty không đạt hiệu quả cao nhất. Qua năm 2010, Công ty đã có sự điều chỉnh trong chính sách thu hút nguồn lao động nhằm đảm bảo có được nguồn lao động dồi dào và có chất lượng để đáp ứng cho nhu cầu phát triển cho hiện tại và tương lai.
- Năm 2009, việc tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng vẫn còn khó khăn, gia tăng giá cả nguyên vật liệu đầu vào như xăng dầu và nguyên phụ liệu ngành may, và biến động tỷ giá USD khiến chi phí sản xuất của Công ty tăng mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty, đặc biệt khi doanh thu của hoạt động FOB hàng may mặc xuất khẩu chiếm hơn 70% tổng doanh thu.
- Sự phát triển kinh tế phát triển cùng với yếu tố hội nhập đã làm tăng tính cạnh tranh đáng kể. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng may mặc các rào cản gia nhập



ngành hầu như không có, do vậy, sức cạnh tranh trở nên hết sức mạnh mẽ. Đặc biệt trong lĩnh vực nhập khẩu nguyên phụ liệu may, do sự thiếu hụt về nguồn cung trong nước, các doanh nghiệp phải gia tăng tối đa nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cả và phương thức thanh toán.

- Trong năm 2009, nhờ chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn lưu động để sản xuất hàng xuất khẩu và đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, chi phí lãi vay của Công ty giảm đáng kể so với chi phí năm 2008.
- Tuy nhiên, Thương hiệu Vinatex Đà Nẵng được biết đến nhiều đối với các nhà nhập khẩu Mỹ, và dần đã trở nên quen thuộc với các khách hàng ở các thị trường tiềm năng khác, cụ thể là Nhật Bản;

## 7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 7.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

- Với trên 15 năm kinh nghiệm, Công ty đã thiết lập mối quan hệ lâu năm với các khách hàng hiện hữu nên nguồn hàng xuất khẩu có tính ổn định tương đối. Hiện Công ty đã ký hợp đồng cung cấp độc quyền cho các Công ty Tashin, Texma, Fishman & Tobin, Otto, CK. Công ty có thể tự tin khẳng định uy tín hàng đầu về năng lực cung cấp sản phẩm may với số lượng ổn định, giá cạnh tranh và là nhà cung ứng tiêu biểu trong ngành may nói chung.
- Trong quá trình tham gia vào thị trường, sản phẩm phục vụ hàng nội địa gặp không ít những khó khăn trong việc cạnh tranh với các sản phẩm cùng chủng loại của các đơn vị sản xuất có uy tín trong và ngoài nước. Hiện nay các sản phẩm sản xuất trong nước cạnh tranh trực tiếp trên thị trường là các sản phẩm quần áo của các đơn vị có uy tín như Việt Tiến, May 10, An Phước . . . , đặc biệt là hàng may mặc Trung Quốc giá rẻ, mẫu mã phong phú đang là đối thủ cạnh tranh lớn đối với các sản phẩm may sản xuất trong nước.
- Tuy nhiên với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhân viên Công ty CP Vinatex Đà Nẵng, Ban lãnh đạo công ty luôn định hướng đúng đắn về giá cả, mẫu mã và các kế hoạch kinh doanh do vậy đã ngày càng khẳng định thương hiệu sản phẩm may trên thị trường. Với ưu thế về uy tín thời gian giao hàng cùng với chất lượng vượt trội, sản phẩm may vẫn chiếm được thị phần nhất định trong thị trường xuất khẩu.

### 7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Kim ngạch xuất khẩu năm 2009 toàn ngành dệt may ước đạt 9,1 tỷ USD, ngang với năm 2008; Trong đó Vinatex đạt 1,7 tỷ USD, bằng 103% so với năm trước. Trong điều





kiện thị trường dệt may thế giới giảm trung bình 15%, tất cả các nước xuất khẩu dệt, may lớn đều giảm kim ngạch thì việc Việt Nam giữ được như năm 2008 là một hiện tượng đặc biệt. So với các ngành xuất khẩu khác của Việt Nam thì dệt may đã trở thành ngành xuất khẩu lớn nhất cả nước, góp phần rất quan trọng vào việc giảm nhập siêu năm 2009. Năm 2010, ngành dệt may dự kiến kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt khoảng 10,5 tỷ USD, tăng trưởng 12%.

Đặc biệt, trong năm 2009, XK hàng dệt may vào thị trường Nhật Bản tăng từ 23% đến 25%. Đây là thành công lớn của ngành Dệt may Việt Nam do Việt Nam và Nhật Bản đã ký hiệp định song phương từ ngày 1/10/2009, thuế suất của hàng dệt may từ Việt Nam vào Nhật Bản được cắt giảm. Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam sử dụng nguyên liệu vải có xuất xứ từ các nước có hiệp định thương mại với Nhật Bản sẽ được hưởng thuế suất 0% thay vì 5% đến 10% như trước đây. Thêm vào đó, các nhà nhập khẩu Nhật Bản đánh giá cao tính ổn định, trình độ tay nghề của công nhân, cũng như chất lượng, mẫu mã phong phú, đa dạng của hàng dệt may Việt Nam.

Ngành Dệt may Việt Nam cũng đã tiếp cận được thị trường Trung Đông, xuất khẩu vải, khăn bông và phụ liệu sang một số nước như Tiểu vương quốc Ả rập, Ai Cập, Nam Phi. Đặc biệt, Thổ Nhĩ Kỳ- vốn là một cường quốc về dệt may, năm nay cũng đã nhập khẩu của Việt Nam số lượng khá lớn, nhất là mặt hàng sợi. Các nước Đông Âu cũ cũng nhập khẩu khá lớn hàng dệt may Việt Nam. Đáng chú ý, nhiều nước trước đây từng giúp Việt Nam về kỹ thuật, giờ rất muốn hợp tác với Việt Nam để phát triển ngành dệt may, điển hình như Nga, hiện đang có chương trình hợp tác với Việt Nam để phát triển ngành dệt may của họ. Bên cạnh đó thì những thị trường lâu năm của Việt Nam như Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan cũng đã có những kết quả ấn tượng trong năm qua và hứa hẹn các tiềm năng phát triển trong các năm tới.

Ngoài ra, với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu từ hàng gia công sang hình thức FOB để tăng hiệu quả kinh doanh, dự kiến sẽ có những trung tâm cung ứng và giao dịch nguyên phụ liệu may mặc ở các thành phố trọng điểm, các khu công nghiệp sản xuất nguyên liệu và đào tạo nguồn nhân lực. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp tạo thế chủ động trong thực hiện các đơn hàng xuất khẩu và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu tốt hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội mở rộng thị trường, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cũng phải đối mặt với những thử thách khó khăn trước mắt, đòi hỏi những nỗ lực và thay đổi để dành được thế cạnh tranh trên thị trường thế giới. Các thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản và một số các nước khác sẽ

đưa ra các rào cản kỹ thuật đòi hỏi các sản phẩm xuất khẩu phải đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế, bảo vệ người tiêu dùng các sản phẩm dệt may. Như vậy, các doanh nghiệp muốn nắm giữ được thị phần phải chú trọng hơn chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu trong nước và đầu tư cải tạo công nghệ quản lý chất lượng.

### 7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới:

Để đón đầu các cơ hội phát triển thị trường mới cũng như các thử thách trong ngành, Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong những năm tới nhằm nâng cao năng lực kinh doanh và cải tiến công nghệ sản xuất để có thể đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng, trong đó vẫn chú trọng vào lĩnh vực mũi nhọn là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, thương mại. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiến hành mở rộng ngành nghề kinh doanh tới các lĩnh vực mới như hàng tiêu dùng, hàng điện máy và kinh doanh địa ốc, văn phòng, khách sạn....

Bên cạnh ngành sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, ngay từ khi thành lập Công ty đã rất chú trọng đến mảng đầu tư bất động sản, và đó cũng chính là định hướng chiến lược của Công ty hiện nay. Hiện tại Công ty đang thẩm định và triển khai những dự án mang tính khả thi cao nhằm tạo cơ sở phát triển bền vững và lâu dài trong tương lai như dự án Giai đoạn 2 khu Công nghệ Dung Quất, dự án mở rộng nhà máy Vinatex Đà Nẵng Sơn Trà, dự án xây dựng Trung tâm Thương mại văn phòng tại số 81 Thái Phiên.

Ngoài ra Công ty cũng không ngừng đầu tư vào công tác tuyển dụng, đào tạo nhằm nâng cao năng lực CBCNV, đầu tư nâng cao uy tín doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường. Do đó các định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2009:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	01	0,03%
2	Cán bộ có trình độ đại học	103	3,41%
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng	105	3,47%

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
4	Cán bộ có trình độ trung cấp	263	8,70%
5	Công nhân kỹ thuật	151	5,00%
6	Công nhân may	2.354	77,90%
7	Lao động phổ thông/lao động khác	45	1,49%
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.022</b>	<b>100%</b>

## 8.2 Chính sách đào tạo:

- Công ty có chương trình đào tạo tại chỗ, chương trình kết hợp đào tạo giữa công nhân cũ và công nhân mới, công nhân tay nghề cao và tay nghề thấp và tổ chức thi nâng bậc hàng năm. Bên cạnh đó, tổ chức cho công nhân tham quan các đơn vị bạn thường xuyên để học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật, công nghệ nhằm cập nhật kịp thời các ứng dụng mới cho sản xuất.
- Đào tạo nguồn nhân lực để phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Duy trì mối quan hệ với các trường, trung tâm đào tạo nghề đặc biệt là các trường (Trung tâm) trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng và Bình Định; đồng thời củng cố và phát triển bộ phận đào tạo nghề ngay tại Công ty nhằm cung cấp kịp thời nguồn lao động đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu đảm bảo cho sản xuất và phát triển của Công ty.

(xem tiếp ở trang sau)



### 8.3 Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

- Chính sách lương chủ yếu thực hiện khoán đơn giá theo số lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ.
- Chính sách thưởng đa dạng: khuyến khích sản xuất kinh doanh, thưởng vào những ngày lễ, tết, đặc biệt là tết Âm lịch với mức thưởng cao nhất.
- Chính sách trợ cấp: trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ việc áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Trên cơ sở pháp luật lao động hiện hành, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh để đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Chăm lo đến đời sống của người lao động cả về vật chất và tinh thần trên tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách để tập thể người lao động của Công ty là đại gia đình thống nhất vì sự phát triển của Công ty.

## 9 Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ chia cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Cổ tức được chia cho các cổ đông tương đương với phần vốn góp của cổ đông
- Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức 70% số cổ tức dự kiến.
- Năm 2006, 2007 mức chia cổ tức là 12% trên mệnh giá cổ phần.
- Năm 2008, mức chia cổ tức là 10% bằng tiền mặt trên mệnh giá cổ phần.
- Năm 2009, mức chi cổ tức là 6% bằng tiền mặt trên mệnh giá cổ phần

## 10 Tình hình hoạt động tài chính

### 10.2 Các chỉ tiêu cơ bản:

#### a. Trích khấu hao tài sản cố định:



- Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá của TSCĐ được phản ánh theo giá gốc. Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 15
Máy móc thiết bị	14 – 25
Phương tiện vận chuyển	10 – 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	15 – 23

**b. Mức lương bình quân:**

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2009 là 2.000.000 đồng/người/tháng. Với mục tiêu khuyến khích và tạo động lực cho các cán bộ công nhân viên đóng góp nhiều hơn nữa cho hoạt động sản xuất kinh doanh, mức lương bình quân của Công ty là cao hơn mức lương trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành tại địa bàn Miền Trung và Tây Nguyên. Tuy nhiên, mức lương này vẫn đảm bảo được khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

**c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Đặc điểm kinh doanh của Công ty là mua bán gối đầu và để đảm bảo uy tín trong kinh doanh của mình, Công ty đã thực hiện chính sách mua hàng thanh toán các khoản nợ cho các nhà cung cấp theo thời hạn, phương thức thanh toán theo qui định của từng hợp đồng với khách hàng. Chính vì thế, mặc dù trong thời gian qua, tuy Công ty thiếu vốn hoạt động nhưng uy tín của Công ty trên thương trường rất tốt. Tính đến thời điểm ngày 31/09/2009, Công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

**d. Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh việc kê khai và kịp thời nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà Nước đang áp dụng cho Công ty theo quy định.

**e. Trích lập các quỹ theo luật định:**



Việc trích lập các quỹ của Công ty hàng năm được căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Điều lệ Công ty và do ĐHCĐ quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Đvt: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.602.85.393	3.733.682.343	3.770.920.870
2	Quỹ dự phòng tài chính	44.044.025	144.834.860	144.834.860
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	281.451.885	144.598.277	174.902.593

*Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009*

**f. Tổng dư nợ vay:**

**Các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>111.968</b>	<b>92.737</b>	<b>103.664</b>
1	Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng	45.438	4.117	-
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	38.647	23.060	8.100
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội	16.070	27.210	29.355
4	Ngân hàng ĐT & PT Hải Vân	1.890	-	-
5	Ngân hàng INDOVINA Đà Nẵng	9.923	3.167	4.967
6	Ngân hàng PG Bank	-	35.183	44.509
7	Ngân hàng Nhà Hà Nội	-	-	16.733
<b>II</b>	<b>Vay CN Cty Tài chính Dệt May</b>	<b>10.995</b>	<b>17.479</b>	<b>24.182</b>
<b>III</b>	<b>Vay Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	<b>10.000</b>	<b>4.100</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>259</b>	<b>452</b>	<b>8.739</b>



<b>Tổng cộng</b>	<b>133.222</b>	<b>114.768</b>	<b>136.585</b>
------------------	----------------	----------------	----------------

*Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán 2007, 2008 và 2009*

**Các khoản vay và nợ dài hạn:**

*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>33.421</b>	<b>24.084</b>	<b>18.160</b>
1	Ngân hàng NN & PTNN Đà Nẵng	8.859	6.034	3.715
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải ĐN	5.057	4.715	3.487
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội ĐN	4.664	3.328	2.326
4	NH Phát triển CN Quảng Ngãi	14.841	10.007	8.632
<b>II</b>	<b>Vay CN Cty Tài chính Dệt May</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.000</b>
<b>II</b>	<b>Thuê tài chính</b>	<b>323</b>	<b>129</b>	<b>129</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>33.744</b>	<b>24.213</b>	<b>33.289</b>

*Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán 2007, 2008 và 2009*

**g. Tình hình công nợ hiện nay:**

**Các khoản phải trả:**

*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>153.589</b>	<b>144.032</b>	<b>173.161</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	133.222	114.768	136.585
2	Phải trả người bán	12.139	21.345	30.132
3	Người mua trả tiền trước	223	277	658



4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	408	1.102	772
5	Phải trả công nhân viên	101	182	162
6	Chi phí phải trả	2.353	70	543
7	Phải trả phải nộp khác	5.142	6.288	4.471
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>49.088</b>	<b>24.224</b>	<b>21.099</b>
1	Vay và nợ dài hạn	33.744.	24.213	21.089
2	Phải trả người bán	15.324	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	10	10	10
4	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	9	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>202.677</b>	<b>168.256</b>	<b>194.260</b>

*Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009*

#### **Các khoản phải thu ngắn hạn:**

*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
1	Phải thu khách hàng	60.806	51.055	69.742
2	Trả trước cho người bán	10.591	2.707	711
3	Các khoản phải thu khác	598	476	685
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(712)	(711)	(799)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>71.282</b>	<b>53.527</b>	<b>70.339</b>

*Nguồn: Báo cáo TC đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009*

#### **10.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	2007	2008	2009
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,01	0,80	0,85
▪ Hệ số thanh toán nhanh	0,53	0,43	0,47
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	87,99%	86,84%	89,15%
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	740,42%	664,36%	828,43%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,33	2,75	1,58





▪ Vòng quay hàng tồn kho	7,07	7,39	5,00
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,85%	0,49%	0,40%
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	17,40%	9,85%	5,59%
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	2,02%%	1,22%	0,66%
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/doanh thu thuần	0,79%	0,20%	0,34%
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b> (mệnh giá: 10.000đ/cổ phần)			
▪ Thu nhập trên mỗi cổ phần(đồng/cổ phần)	2.289	1.305	686
▪ Giá trị sổ sách của cổ phần(đồng/cổ phần)	13.770	12.741	11.796

## 11 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

### 11.2 Hội đồng quản trị:

#### a. Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Ngọc Trí

Ngày tháng năm sinh:	23/01/1953
Nơi sinh:	Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Số CMND:	200215637 do Công an tỉnh QN-ĐN cấp ngày 17/8/1994
Địa chỉ thường trú:	H35/3 K408 Hoàng Diệu, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại:	05113 – 863 845
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại Học Quản trị Kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1992 đến 1993	Trợ lý Giám đốc Chi nhánh Coftimex tại Đà Nẵng
Từ năm 1994 đến 2001	Phó Giám đốc Công ty Vinatex Đà Nẵng
Từ năm 2002 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Cty CP Vinatex Đà Nẵng



Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009</b>	
Đại diện sở hữu:	400.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	52.690 cổ phần, chiếm 2,63% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Con: 03 người, nắm giữ 25.580 cổ phần, chiếm 1,28% vốn điều lệ. + Nguyễn Thị Thu Sương: 2.170 cổ phần + Nguyễn Bùi Ngọc Vũ: 10.000 cổ phần + Nguyễn Hồng Nhung: 13.410 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

#### **b. Ủy viên HĐQT: Ông Trần Văn Tiến**

Ngày tháng năm sinh:	11/9/1962
Nơi sinh:	Quảng Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Số CMND:	Số 201506846 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/3/2005
Địa chỉ thường trú:	Tổ 2 An Thị, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại:	0913 404 593
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính – Kế toán
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1983 đến 1996	Kế toán Cty Lương Thực Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Từ năm 1997 đến 2001	Kế toán Cty Vinatex Đà Nẵng



Từ năm 2001 đến 2002	Phó phòng Tài chính kế toán Cty Vinatex Đà Nẵng
Từ năm 2002 đến nay	Kế toán trưởng Cty CP Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009**

Đại diện sở hữu:	200.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	47.340 cổ phần, chiếm 2,38% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

**c. Ủy viên HĐQT: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung**

Ngày tháng năm sinh:	30/7/1955
Nơi sinh:	Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bắc Ninh
Số CMND:	Số 200013156 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 09/8/2001
Địa chỉ thường trú:	361 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại:	0913 402 533
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngoại Thương
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1977 đến 1991	Quản đốc phân xưởng, Trưởng kỹ thuật Thảm len Công ty Thảm len Thanh Sơn
Từ năm 1992 đến 1995	PGĐ Cty Thảm Len Thanh Sơn



Từ năm 1996 đến 2001	Giám đốc Cty Thảm Len Thanh Sơn
Từ năm 2001 đến nay	Phó TGD Cty CP Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Phó TGD
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009**

Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	39.610 cổ phần, chiếm 1,98% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Em: Nguyễn Anh Tuấn nắm giữ 6.810 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

**d. Ủy viên HĐQT: Ông Lương Chương**

Ngày tháng năm sinh:	01/10/1958
Nơi sinh:	Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Số CMND:	Số 200816732 do Công an QN-ĐN cấp ngày 22/4/1994
Địa chỉ thường trú:	Tổ 50, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại:	0913 404 575
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngoại Thương

**Quá trình công tác**

Từ năm 1977 đến 1982	Bộ đội tại Campuchia
Từ năm 1983 đến 1994	Kế toán Cty xuất khẩu Trà My



Từ năm 1995 đến 2001	Kế toán trưởng Công ty Vinatex Đà Nẵng
Từ năm 2002 đến nay	Phó TGĐ Cty CP Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Phó TGĐ
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009**

Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	47.460 cổ phần, chiếm 2,37% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Vợ: Trương Thị Châu nắm giữ 490 cổ phần, chiếm 0.02% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

**e. Ủy viên HĐQT: Ông Văn Hữu Thành**

Ngày tháng năm sinh:	01/01/1963
Nơi sinh:	Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Số CMND:	Số 191563892 do Công an Thừa Thiên Huế cấp ngày 15/11/2000
Địa chỉ thường trú:	358/2 Lê Duẩn, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính – Kế toán

**Quá trình công tác**

Từ năm 1983 đến 1986	Kế toán tại Trọng tài kinh tế Quảng Nam - Đà Nẵng
Từ năm 1987 đến 1988	Kế toán tại Cty XNK Bình Trị Thiên
Từ năm 1989 đến 2001	Kế toán trưởng Cty May Xuất khẩu Huế



Từ năm 2002 đến 2006	Giám đốc XN May 2 thuộc Cty CP Vinatex ĐN
Từ năm 2007 đến nay	Giám đốc Nhà máy May Dung Quất thuộc Cty CP Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Giám Đốc nhà máy May Dung Quất
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009</b>	
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	11.970 cổ phần, chiếm 0,60% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

### 11.3 Ban Kiểm soát:

#### a. Trưởng Ban kiểm soát: Bà Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày tháng năm sinh:	27/12/1958
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nội
Số CMND:	Số 011685177 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/7/2006
Địa chỉ thường trú:	184 Hàng Bông Hà Nội
Số điện thoại:	0913 201 913
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính kế toán - Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1992 đến 1993	Phòng tài chính kế toán - Liên hiệp SX-XNK May



Từ năm 1994 đến 2001	Ban TCKT - Tổng công ty DM Việt Nam
Từ năm 2001 đến 2007	Ban TCKT - Tập đoàn DM Việt Nam
Từ năm 2007 đến nay	Ban CPH - Tập đoàn DM Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Trưởng Ban Cổ phần hóa - Tập đoàn DM Việt Nam

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009**

Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	15.000 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

**b. Thành viên BKS: Ông Phạm Vũ Bằng**

Ngày tháng năm sinh:	20/5/1972
Nơi sinh:	Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Số CMND:	số 201183755 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/6/1989
Địa chỉ thường trú:	K132/21 Lý Tự Trọng, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại:	
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính – Kế toán
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1993 đến 2005	Kế toán Chi Nhánh Vinatex Đà Nẵng



Từ năm 2006 đến 2007	Phó Giám đốc Nhà máy May Nam Phước thuộc Vinatex Đà Nẵng
Từ năm 2008 đến nay	Nhân viên phòng TCHC Cty Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Nhân viên phòng TCHC
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009**

Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Chị: Phạm Thị Kim Thoa nắm giữ 310 cổ phần chiếm 0,01 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

**c. Thành viên BKS: Bà Nguyễn Thị Lan Phương**

Ngày tháng năm sinh:	02/12/1967
Nơi sinh:	Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Số CMND:	số 200852675 do Công an Quảng Nam - Đà Nẵng cấp ngày 11/3/1982
Địa chỉ thường trú:	Tổ 56B Bình An, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại:	0905 849 859
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính – Kế toán

**Quá trình công tác**

Từ năm 1994 đến nay	Nhân viên kế toán Cty CP Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay tại Vinatex DN	Nhân viên Phòng TCKT





Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009</b>	
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	1.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Anh: Nguyễn Minh Tuấn nắm giữ 17.680 cổ phần chiếm 0.88% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

#### 11.4 Ban Tổng Giám đốc:

##### a. Ông Hồ Hai: Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh:	01/12/1970
Nơi sinh:	Huế
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thừa Thiên Huế
Số CMND:	số 201016646 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 27/10/2005
Địa chỉ thường trú:	Tổ 45, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại:	05113 – 863 845
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Nông Nghiệp

##### Quá trình công tác

Từ năm 1994 đến 2000	Nhân viên kinh doanh chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
Từ năm 2001 đến 2007	Trưởng phòng kinh doanh Vinatex Đà Nẵng
Từ năm 2008 đến nay	Giám đốc điều hành Cty CP Vinatex Đà Nẵng
Chức vụ công tác hiện nay	Tổng Giám đốc



tại Vinatex DN

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/08/2009**

Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	18.350 cổ phần, chiếm 0,92% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

**b. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Phó Tổng Giám đốc** (trình bày ở mục c – danh sách Hội đồng quản trị)

**c. Ông Lương Chương – Phó Tổng Giám đốc** (trình bày ở mục d – danh sách Hội đồng quản trị)

**11.5 Kế Toán Trưởng: Ông Trần Văn Tiến** (trình bày ở mục b – danh sách Hội đồng quản trị)

## 12 Tài sản

Giá trị tài sản cố định Công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2009:

*Đvt: triệu đồng*

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>127.713</b>	<b>74.512</b>	<b>53.201</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	47.504	16.317	31.187
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý	75.841	55.310	20.531
3	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	4.368	2.885	1.483
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>2.479</b>	<b>107</b>	<b>2.372</b>
1	Quyền sử dụng đất	2.255	-	2.255



2	Phần mềm máy tính	224	107	117
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>		<b>970</b>	<b>841</b>	<b>129</b>
1	Máy móc thiết bị	970	841	129

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 đã kiểm toán

### 13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

#### 13.2 Các chỉ tiêu kế hoạch:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010		2011	
		Giá trị	% tăng giảm 2010/2009	Giá trị	% tăng giảm 2011/2010
Doanh thu thuần	345.018	450.000	0,43%	560.000	24,44%
Lợi nhuận sau thuế	1.364	2.500	83,28%	3.000	20,00%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,40%	0,55%	0,15%	0,53%	(0,02%)
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,59%	12,50%	6,91%	15,00%	2,50%
Cổ tức	6%	12%	6%	15%	3%

Nguồn: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

#### 13.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Tốc độ phát triển của ngành may đề ra là 15 – 25%/năm và của riêng Công ty là 20%/năm đối với năm 2010.
- Các dự án đầu tư của Công ty sau khi hoàn thiện sẽ bắt đầu đi vào hoạt động trong năm 2010 làm tăng đáng kể sản lượng xuất khẩu so với năm 2009.
- Các dự án bất động sản chưa được triển khai song có tính khả thi cao, như dự án xây dựng khu 25 Trần Quý Cáp và 88 Thanh Sơn, sẽ đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng doanh thu cho Công ty trong các năm tới.
- Sau khi thực hiện tăng vốn, Công ty có chiến lược đẩy mạnh năng lực sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh thương mại trong các lĩnh vực như nhập khẩu nguyên liệu ngành dệt, mở rộng kênh phân phối máy điều hòa không khí tại miền Trung, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm may mặc. Một phần vốn huy động được sẽ dành

cho tái cơ cấu nguồn vốn Công ty (giảm tỷ lệ nợ), do đó chi phí lãi vay trong những năm tới sẽ giảm và lợi nhuận sẽ tăng tương ứng.

**13.4 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua:**

- Củng cố và hoàn thiện Trung tâm Thiết kế thời trang để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quảng bá thương hiệu Công ty bên cạnh những hoạt động marketing và quảng cáo sản phẩm hiện có. Tiếp tục xây dựng chiến lược nâng cánh thương hiệu để tạo dựng hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường tiêu thụ nội địa.
- Sau khi huy động vốn thành công, Công ty sẽ đầu tư chiều sâu cho các loại thiết bị chuyên dùng hiện đại nhằm nâng cao hơn nữa năng suất và chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp để cải thiện tình hình tài chính, giảm thiểu mức độ rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Tập trung đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Văn phòng tại số 81 Thái Phiên, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng với mức đầu tư ước tính ban đầu khoảng 10 tỷ đồng. Dự án này có diện tích đất sử dụng là 200 m<sup>2</sup>, với quy mô xây dựng khoảng 9 tầng.
- Đầu tư vào xây dựng mở rộng nhà máy Dung Quất tại khu công nghiệp Dung Quất, nâng qui mô sản xuất thêm 10 chuyền may và công trình phụ trợ đảm bảo cho phục vụ sản xuất tại đây đạt tiêu chuẩn SA 8000. Dự án đã được Ban quản lý khu công nghiệp Dung Quất thông qua ban hành quyết định đầu tư.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy may Vinatex Đà Nẵng – Sơn Trà tại khu Công nghiệp An Đồn, TP. Đà Nẵng nhằm mục đích mở rộng qui mô sản xuất (30-40 chuyền may với 2.000-2.500 lao động) và chuyển dịch 02 khu xí nghiệp may hiện tại như sau:
  - Di chuyển Xí nghiệp 1,2B tại số 25 Trần Quý Cáp (DT đất: 3.300 m<sup>2</sup>) để đầu tư chuyển mục đích sử dụng thành khu Cao ốc Văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp.
  - Di chuyển Xí nghiệp May 2A, 3,4 tại số 88 Thanh Sơn (DT đất: 6.100 m<sup>2</sup>) để đầu tư chuyển mục đích sử dụng thành khu phức hợp Thương mại và Khách sạn 05 sao.

**14 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:**  
Không có

**15 Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty:** Không có



## V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINATEX Đà Nẵng
2. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.000.000 cổ phiếu
5. Phương pháp tính giá:

- Giá trị sổ sách (Book value) của Công ty:

Dựa trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến thời điểm 31/12/2009, giá trị sổ sách một cổ phiếu Công ty được tính như sau:

STT	Nội dung	31/12/2009
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	23.645.138.907
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi + nguồn kinh phí	196.143.842
3	Tổng cổ phiếu lưu hành	2.000.000
4	Số cổ phiếu quỹ	12.180
5	<b>Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu</b> <b>(5)=[(1) - (2)]/[(3) - (4)]</b>	<b>11.796</b>

- Hiện nay, Giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội không có quy định về việc xác định giá khởi điểm của phiên giao dịch đầu tiên, mà giá giao dịch sẽ do cung cầu thị trường quyết định. Ngày đầu tiên sẽ không có biên độ giao động giá.

### 6. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quyết định Số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, các tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty.



## 7. Các loại thuế có liên quan

### a. Thuế Giá trị gia tăng:

- Thuế suất 0%: Áp dụng cho các mặt hàng may mặc, thuê đơn xuất khẩu
- Thuế suất 5%: Áp dụng cho việc bán phế liệu trong nước
- Thuế suất 10%: Áp dụng cho các loại sản phẩm, hàng hoá, nguyên vật liệu tiêu thụ trong nước.

### b. Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất: 28%
- Công ty được hưởng mức thuế ưu đãi như sau:
  - Được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (bắt đầu từ năm 2006 và áp dụng đến hết năm 2007) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm (2008-2012). Như vậy, mức thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty từ năm 2008-2012 là 14%.
  - Đối với thu nhập của Nhà máy May Phù Mỹ, Công ty được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005-2007) và giảm 50% số thuế thu phải nộp trong 05 năm tiếp theo (2008-2012).



## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### 1. Tổ chức đăng ký giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

Trụ sở chính: 25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84.511) 3 863 845 – 3 863 757 – 3 827 116

### 2. Tổ chức cam kết hỗ trợ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN (EPS)

Trụ sở chính: Tầng 1&2, Tòa nhà Chương Dương ACIC, Số 225 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Tầng 3, số 249 Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84.8) 38 386 068

Website: [www.eps.com.vn](http://www.eps.com.vn)

### 3. Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : 217 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84.511) 3 655 886

Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn)

## VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần đầu và lần bổ sung mới nhất)
2. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán 3 năm 2007, 2008 và 2009
4. Báo cáo về những tranh chấp pháp luật (nếu có)
5. Nghị quyết HĐQT thông qua việc đăng ký giao dịch cổ phiếu chưa niêm yết (UPCoM) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
6. Danh sách cổ đông tại ngày chốt để đăng ký lưu ký chứng khoán
7. Quy trình công bố thông tin khi giao dịch UPCoM
8. Hợp đồng cam kết hỗ trợ ký giữa VINATEX Đà Nẵng và EPS
9. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu của Công ty đã đăng ký lưu ký tập trung (*Bổ sung sau khi đã xong thủ tục lưu ký*)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**

**Chủ tịch  
Hội đồng Quản trị**

	<b>NGUYỄN NGỌC TRÍ</b>	
<b>Tổng Giám đốc</b>	<b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>	<b>Kế toán trưởng</b>

<b>HỒ HAI</b>	<b>NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI</b>	<b>TRẦN VĂN TIẾN</b>
---------------	----------------------------------	----------------------

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ  
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN  
Tổng Giám đốc**

**TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO**